

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24 /2021/HNST

Ngày: 16/4/2021

Về việc "Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn ThAh Thuở.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hưng

2. Ông Trịnh Ngọc Hồng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa:

Bà Lư Ngọc Thiên A – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số: 102/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXX- ST ngày 06 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thúy A, sinh năm 1994.

Địa chỉ: 557Z, Bình T, xã Bình P, thành phố B, tỉnh B

Địa chỉ liên hệ: 163/1D, đường Trương Vĩnh Ký, ấp A Thuận A, xã Mỹ Thạnh A, thành phố B, tỉnh B (vắng mặt).

Bị đơn: Ah Nguyễn Thành C, sinh năm 1993.

Địa chỉ: 557Z, Bình T, xã Bình P, thành phố B, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày:

Chị và Ah Nguyễn Thành C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh A, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre vào ngày 28 tháng 5 năm 2014. Quá trình chung sống vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quaA điểm trong cách sống, thường xuyên cự cãi, chị đã nhiều lần cố gắng nhằm duy trì mối quaA hệ vợ chồng, mong hàn gắn tình cảm nhưng không được, mâu thuẫn trầm trọng hơn, không thể chung sống và hòa hợp trở lại nên chị yêu cầu ly hôn với Ah C.

Về con chung: Chị và Ah C có 02 con chung tên Nguyễn Lê Hà A1 sinh ngày 01/10/2014 và Nguyễn Tú A2 sinh ngày 04/8/2020 hiện các con đAg sống với chị, chị yêu cầu anh C cấp dưỡng mỗi dưỡng mỗi cháu là 1.000.000

đồng/tháng. Về tài sản chung: Chị và anh C tự thỏa thuận. Nợ chung không có. Do điều kiện bận công việc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 25 tháng 3 năm 2021 và Đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 25 tháng 3 năm 2021 bị đơn anh Nguyễn Thành C trình bày:

Anh và chị Lê Thị Thúy A kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh A, sau khi kết hôn anh chị chung sống tại ấp Bình T, xã Bình P, thành phố B. Anh và chị A xảy ra mâu thuẫn nhiều lần không thể hàn gắn, vợ chồng ly thân thứ tháng 7 năm 2020 đến nay. Anh đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Thúy A, đồng ý để chị A nuôi 02 con chung tên Nguyễn Lê Hà A1 sinh ngày 01/10/2014 và Nguyễn Tú A2 sinh ngày 04/8/2020, Anh đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng. Về tài sản chung tự thỏa thuận. Nợ chung không có. Do điều kiện đi làm ăn xa, không có điều kiện đến Tòa án được nên anh yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Thúy A đối với anh Nguyễn Thành C; chị A được quyền nuôi 02 con chung tên Nguyễn Lê Hà A1 sinh ngày 01/10/2014 và Nguyễn Tú A2 sinh ngày 04/8/2020, ghi nhận anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Về tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Chị Lê Thị Thúy A có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, con chung với anh Nguyễn Thành C, anh C có nơi cư trú tại xã Bình P, thành phố B, tỉnh B nên đây là vụ án về Ly hôn, con chung thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

- Tại phiên tòa chị Lê Thị Thúy A anh Nguyễn Thành C đều vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh chị theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nội dung vụ án:

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thúy A và anh Nguyễn Thành C xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 5 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã Bình P, thành phố B, tỉnh B nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Theo lời trình bày của chị A và anh C thì anh chị chung sống không có hạnh phúc thường xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, anh chị đã ly thân từ tháng 7 năm 2020 đến nay, chị A yêu cầu xin ly hôn với anh C, anh C đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị A nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị Thúy A và anh Nguyễn Thành C có 02 con chung tên Nguyễn Lê Hà A1, sinh ngày 01/10/2014 và Nguyễn Tú A2, sinh ngày 04/8/2020, hiện các con đang sống với chị A, chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (1.000.000 đồng/con). Anh C đồng ý với yêu cầu của chị A, đồng ý để chị A nuôi con chung, đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị A anh C tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị A anh C đều khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên ghi nhận.

[6] Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh Nguyễn Thành C phải chịu 300.000 đồng án phí DSST (án phí cấp dưỡng).

[7] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 84 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Thúy A. Chị Lê Thị Thúy A được ly hôn với anh Nguyễn Thành C.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Thúy A được quyền nuôi 02 con chung tên Nguyễn Lê Hà A1, sinh ngày 01/10/2014 và Nguyễn Tú A2, sinh ngày 04/8/2020. Anh Nguyễn Thành C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (1.000.000 đồng/con) đến khi các con đủ 18 tuổi.

Ah Nguyễn Thành C được quyền thăm nom con, không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung: Chị Lê Thị Thúy A anh Nguyễn Thành C tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Lê Thị Thúy A anh Nguyễn Thành C đều khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

- Chị Lê Thị Thúy A phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0005317 ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, chị A đã nộp đủ án phí.

- Ah Nguyễn Thành C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAD tỉnh Bến Tre;
- VKSND Tp. Bến Tre;
- Chi cục THA DS Tp. Bến Tre;
- UBND xã Bình Phú, Tp. Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thanh Thuở